

MỘT SỐ LƯU Ý VỀ QUYẾT TOÁN THUẾ 2019

BỘ HỒ SƠ QUYẾT TOÁN GỒM:

1. Quyết toán thuế TNDN (nộp cơ quan thuế)
2. Quyết toán thuế TNCN (nộp cơ quan thuế)
3. Báo cáo tài chính (***1bộ nộp cơ quan thuế+1bộ nộp thống kê***)

Lưu ý: + Các doanh nghiệp có **yếu tố nước ngoài**, báo cáo tài chính phải được **kiểm toán** và nộp cho các cơ quan: 1bộ cho cơ quan thuế , 1bộ cho thống kê, 1bộ cho chi cục tài chính doanh nghiệp. (theo Thông báo 1544/TB-CT ngày 18/02/2014 nếu nộp BCTC không kèm báo cáo kiểm toán phạt từ 20triệu đến 30triệu đồng)

+ Thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế năm chậm nhất là ngày thứ 90 (chín mươi), kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính(**Kỳ thuế năm 2019 hạn nộp 30/03/2020**).

I. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hồ sơ gồm:

1. Bảng cân đối kế toán (HTKK 4.2.7)
2. Báo cáo kết quả kinh doanh (HTKK 4.2.7)
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ pp trực tiếp (HTKK 4.2.7): chỉ nộp nếu áp dụng TT 200
4. Thuyết minh báo cáo tài chính
5. Bảng cân đối phát sinh các tài khoản : chỉ nộp khi áp dụng theo TT 133.

Lưu ý: +Xem DN đăng ký theo TT200 hay TT133 để làm biểu mẫu cho phù hợp

+Nếu áp dụng thông tư 200 thì : bảng cân đối số phát sinh tộp ra lưu cùng hồ sơ quyết toán, ***Không nộp cho cơ quan thuế***

+ Mẫu biểu BCTC theo TT133: Bộ báo cáo tài chính(B01a-DNN)(TT133/2016/TT-BTC)

II. QUYẾT TOÁN THUẾ TNDN:

1. Văn bản hướng dẫn về chính sách thuế TNDN:

- Thông tư 78/2014/TT-BTC, hiệu lực từ 02/08/2014
- Thông tư 119/2014/TT-BTC, hiệu lực từ 01/09/2014 sửa đổi bổ sung TT78
- Thông tư 151/2014/TT-BTC, hiệu lực từ 15/11/2014 sửa đổi bổ sung TT78
- Thông tư 96/2015/TT-BTC, hiệu lực từ 06/08/2015 (áp dụng từ kỳ thuế 2015)
- Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16/03/2018 hướng dẫn NĐ 146/2017/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều TT78/2014/TT-BTC, TT219/2013/TT-BTC và TT111/2013/TT-BTC (hiệu lực 01/05/2018)
- Văn bản hợp nhất 26/VBHN-BTC ngày 14/9/2015
- Thông tư 48/2019/TT-BTC, hiệu lực 10/10/2019 và áp dụng cho năm tài chính 2019 , Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các

khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp

- Quyết toán thuế TNDN 2019 sử dụng Mẫu biểu ban hành theo Thông Tư **151/2014/TT-BTC**

2. Hồ Sơ Quyết Toán gồm:

- Tờ khai quyết toán thuế TNDN mẫu số 03/TNDN : lưu ý điều chỉnh tăng giảm các khoản thu nhập chịu thuế nếu có.
- Phụ lục kết quả HĐSXKD mẫu số 03-1A/TNDN : lấy số liệu từ bảng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Phụ lục chuyển lỗ mẫu số 03-2A/TNDN (nếu có)
- Phụ lục thuế TNDN được ưu đãi 03-3A/TNDN (nếu có)
- Phụ lục tính nộp thuế TNDN của DN có các cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc mẫu số 03-8/TNDN(nếu có)
- Thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết GDLK-01 (Nếu có)
- Bảng tổng hợp ngân sách nhà nước
- Bảng tổng hợp chi phí không được trừ (nếu có)

3. Doanh Thu Và Thời Điểm Xuất Hóa Đơn, Xác Định Thu Nhập Chịu Thuế TNDN:

3.1) Thời Điểm Xuất Hóa Đơn:

Khoản 2 điều 16 Thông tư 39/TT-BTC quy định về thời điểm xuất hoá đơn GTGT khi bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ, xây dựng, lắp đặt, cung cấp điện, nước sinh hoạt, dịch vụ viễn thông, truyền hình

- Đối với bán hàng hóa** là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.
- Đối với cung ứng dịch vụ** là ngày hoàn thành việc cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. Trường hợp tổ chức cung ứng dịch vụ thực hiện thu tiền trước hoặc trong khi cung ứng dịch vụ thì ngày lập hóa đơn là ngày thu tiền.

Theo Công văn Số 13675/BTC-CST ngày ngày 14/10/2013 của Bộ tài chính gửi cho hội kiểm toán Việt Nam:

“Trường hợp tổ chức cung ứng dịch vụ: kế toán, kiểm toán, tư vấn tài chính, thuế; thẩm định giá; khảo sát, thiết kế kỹ thuật; tư vấn giám sát; lập dự án đầu tư xây dựng; nhận tiền đặt cọc hoặc tạm ứng để bảo đảm thực hiện hợp đồng (tại thời điểm nhận tiền chưa cung cấp dịch vụ, chưa thực hiện hợp đồng) thì tổ chức cung ứng dịch vụ không phải xuất hóa đơn GTGT đối với khoản tiền đặt cọc hoặc tạm ứng để bảo đảm thực hiện hợp đồng này.”

c. Đối với xây dựng, lắp đặt là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

- Trường hợp giao hàng nhiều lần hoặc bàn giao từng hạng mục, công đoạn dịch vụ thì mỗi lần giao hàng hoặc bàn giao đều phải lập hóa đơn cho khối lượng, giá trị hàng hóa, dịch vụ được giao tương ứng.

d. Đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu do người xuất khẩu tự xác định phù hợp với thỏa thuận giữa người xuất khẩu và người nhập khẩu. Ngày xác định doanh thu xuất khẩu để tính thuế là ngày xác nhận hoàn tất thủ tục hải quan trên tờ khai hải quan.

3.2) Thời Điểm Xác Định Thu Nhu Nhập Chịu Thuế TNDN:

Theo khoản 1 Điều 5 Thông tư 78/2014/TT-BTC quy định:

“ Doanh thu tính thuế TNDN là toàn bộ tiền bán hàng hóa, tiền gia công, tiền cung cấp dịch vụ bao gồm cả khoản trợ giá, phụ thu, phụ trội mà doanh nghiệp được hưởng không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền ”

- a. Bán hàng hoá là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng hàng hoá cho người mua
- b. Đối với hoạt động cung ứng dịch vụ(bao gồm xây dựng) là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc hoàn thành từng phần việc cung ứng dịch vụ cho người mua.
- c. Hoạt động cho thuê tài sản là số tiền bên thuê trả từng kỳ theo hợp đồng thuê. Trường hợp bên thuê trả tiền trước cho nhiều năm thì doanh thu để tính thu nhập chịu thuế được phân bổ cho số năm trả tiền trước hoặc được xác định theo doanh thu trả tiền một lần.
- d. Đối với hoạt động vận tải : Doanh thu tính thuế là toàn bộ doanh thu vận chuyển hành khách, hàng hóa, hành lý phát sinh trong kỳ tính thuế. và Thời điểm xác định Doanh thu là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ vận chuyển cho người mua.

4. Các Khoản Chi Phí Cần Lưu Ý Khi Quyết Toán Thuế :

4.1) Doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a. Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.
- b. Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.
- c. Khoản chi nếu có hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt
- d. Từ 15/11/2014 (TT151) (áp dụng từ 2014): Khoản chi có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động: chi khám chữa bệnh, chi khám sức khỏe, chi nghỉ mát, chi hỗ trợ điều trị; chi hỗ trợ bổ sung kiến thức học tập tại cơ sở đào tạo; chi hỗ trợ gia đình người lao động bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch họa, tai nạn, ốm đau; chi khen thưởng con của người lao động có thành tích tốt trong học tập; chi hỗ trợ chi phí đi lại ngày lễ, tết cho người lao động và những khoản chi có tính chất phúc lợi khác. Tổng số chi có tính chất phúc lợi nêu trên không quá 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế của doanh nghiệp. Việc xác định 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế của doanh nghiệp được xác định bằng quỹ lương thực hiện trong năm chia (:) 12 tháng. Cần thể hiện trong quy chế tài chính, quy chế thưởng ==> Từ 6/8/2015: thêm chi bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tự nguyện khác cho người lao động (trừ khoản chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động hướng dẫn tại điểm 2.6, bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho người lao động hướng dẫn tại điểm 2.11 Điều này)

4.2) Khấu Hao TSCĐ:

Doanh nghiệp trích khấu hao theo quy định hiện hành, thực hiện **thông báo phương pháp trích khấu hao với cơ quan thuế trước khi thực hiện trích khấu hao** theo TT45/2013/TT-BTC. Nếu không đăng ký khấu hao thì chỉ được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng và nằm trong khung thời gian quy định về trích khấu hao.

- a) **Trước 28/11/2016** áp dụng theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013
- b) **Từ 28/11/2016** áp dụng theo Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 45/2013/TT-BTC.
- c) áp dụng **Từ 26/05/2017** theo Thông tư 28/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 45/2013/TT-BTC và áp dụng từ năm tài chính 2016.

Lưu ý: Theo thông tư 147/2016/TT-BTC quy định “Đối với các tài sản là nhà hỗn hợp vừa sử dụng làm tài sản hoạt động của doanh nghiệp vừa để bán, để cho thuê theo quy định của pháp luật thì doanh nghiệp phải xác định, tách riêng phần tài sản (diện tích) tài sản để bán, để cho thuê và không được hạch toán là TSCĐ và không được trích khấu hao. Trường hợp không xác định, tách riêng được phần tài sản để bán, để cho thuê thì doanh nghiệp không hạch toán toàn bộ tài sản là TSCĐ và không được trích khấu hao.

Đến thông tư 28/2017/TT/BTC sửa đổi bổ sung TT147/2016/TT-BTC bãi bỏ quy định trên, do đó Đối với các tài sản là nhà hỗn hợp vừa dùng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, vừa dùng để bán hoặc cho thuê theo quy định của pháp luật thì Doanh nghiệp hạch toán riêng phần giá trị của nhà hỗn hợp theo từng mục đích sử dụng thì phần tài sản cho thuê vẫn được trích khấu hao theo quy định. (Áp dụng cho cả năm 2016)

• **Một số trường hợp chi phí khấu hao không được trừ:**

- a) Chi khấu hao đối với TSCĐ không sử dụng cho hoạt động SXKD hàng hoá, dịch vụ.

- Riêng TSCĐ phục vụ cho người lao động làm việc tại DN lắp đặt trong: nhà nghỉ giữa ca, nhà ăn giữa ca, nhà thay quần áo, nhà vệ sinh, phòng hoặc trạm y tế để khám chữa bệnh, cơ sở đào tạo, dạy nghề và các thiết bị, nội thất; bể chứa nước sạch, nhà để xe, xe đưa đón người lao động, nhà ở trực tiếp cho người lao động được trích khấu hao tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

Theo khoản 2.2 điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 6/8/2015.

- Bổ sung các TSCĐ của DN phục vụ cho người lao động và để tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN bao gồm: thư viện, nhà trẻ, khu thể thao và các thiết bị, nội thất đủ điều kiện là tài sản cố định lắp đặt trong các công trình phục vụ cho người lao động làm việc tại DN; cơ sở vật chất, máy, thiết bị là TSCĐ dùng để tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

b) Chi khấu hao đối với TSCĐ không có giấy tờ chứng minh được thuộc quyền sở hữu, không được quản lý, theo dõi, hạch toán trong sổ sách kế toán của DN (trừ tài sản cố định thuê mua tài chính).

- c) Phân trích khấu hao vượt mức quy định.

- DN phải đăng ký phương pháp trích khấu hao TSCĐ với cơ quan thuế trước khi

trích khấu hao.

- DN hoạt động có hiệu quả kinh tế cao được trích khấu hao nhanh nhưng tối đa không quá 2 lần mức khấu hao xác định theo phương pháp đường thẳng.

- Đối với tài sản là **công cụ, dụng cụ**, bao bì luân chuyển, ... không đáp ứng đủ điều kiện xác định là TSCĐ thì được phân bổ dần vào chi phí hoạt động SXKD trong kỳ nhưng tối đa **không quá 3 năm**.

d) Phần trích khấu hao tương ứng với phần nguyên giá vượt **trên 1,6 tỷ đồng/xe** đối với ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống (**trừ ô tô chuyên kinh doanh vận tải hành khách, du lịch và khách sạn, ô tô dùng để làm mẫu và lái thử cho kinh doanh ô tô**).

4.3) Định mức tiêu hao nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hóa:

Theo TT96/2015/TT-BTC (hiệu lực từ 2015) thì đã bỏ quy định Doanh nghiệp xây dựng, quản lý định mức tiêu hao nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, năng lượng, hàng hóa sử dụng vào sản xuất, kinh doanh. **Nhưng khi quyết toán thuế phải giải trình với cơ quan thuế nên vẫn phải xây dựng định mức từ đầu năm hoặc đầu kỳ sản xuất sản phẩm và ký, đóng dấu lưu tại doanh nghiệp.**

4.4) Chi tiền lương, tiền công, tiền thưởng:

Điều kiện để đưa vào chi phí:

- Có hợp đồng lao động kèm CMND
- Có MST TNCN
- Bản cam kết đối với hợp đồng lao động dưới 3 tháng (Mẫu 02/CK-TNCN theo TT92/2015)
- Bảng lương có ký xác nhận của nhân viên (nếu chi tiền mặt)
- Chứng từ thanh toán theo quy định (phiếu thu, ủy nhiệm chi và phải chi trong thời hạn nộp hồ sơ quyết toán thuế năm – Hạn 30/03/2020 chi lương 2019)
- Các khoản tiền lương, Lương Tháng 13, tiền thưởng, tiền mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động phải ghi cụ thể điều kiện được hưởng và mức được hưởng tại : hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, quy chế tài chính, quy chế thưởng của doanh nghiệp.

Lưu ý: Tiền lương của **chủ doanh nghiệp tư nhân**, chủ công ty **TNHH một thành viên** (do một cá nhân làm chủ); thù lao trả cho các sáng lập viên, thành viên của hội đồng thành viên, hội đồng quản trị **không trực tiếp tham gia điều hành** sản xuất, kinh doanh thì **không được trừ** khi tính thuế TNDN.

Các khoản nợ lương của nhân viên của năm thực tế chưa chi. Nếu **đến hạn nộp quyết toán** mà chưa chi thì không được đưa vào chi phí hợp lý

4.5) Trang Phục:

- Chi bằng tiền không vượt quá 5 triệu/người/năm
- Chi bằng hiện vật phải có hóa đơn, chứng từ theo quy định, không không chế số tiền.
- Chi trang phục cả bằng tiền và hiện vật cho người lao động để được tính vào chi phí được trừ thì mức chi tối đa đối với chi bằng tiền không vượt quá 05 (năm) triệu đồng/người/năm, bằng hiện vật phải có hóa đơn, chứng từ.

4.6) Lãi vay :

- Phải góp đủ vốn điều lệ đã đăng ký theo tiến độ góp vốn ghi trong điều lệ của DN.
- Số tiền còn tồn của Doanh nghiệp phải hợp lý(Tiền mặt, tiền ngân hàng...)
- Nếu vay của cá nhân, tổ chức... không phải là tổ chức tín dụng hoặc tổ chức kinh tế thì: Lãi suất không vượt quá 150% mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm vay.
- Hợp đồng vay tiền.
- Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt -> Đối với vay doanh nghiệp (Khi vay, cho vay, trả nợ vay)
- Chứng từ khấu trừ thuế TNCN: 5% (Nếu đi vay của cá nhân khi trả lãi tiền vay phải khấu trừ 5% khi thanh toán lãi vay)
- **Hóa đơn GTGT tiền lãi vay** (Nếu đi vay của DN (không phải là tổ chức tín dụng) khi trả tiền lãi vay thì phải yêu cầu công ty cho vay xuất hóa đơn)

Lưu ý:

Đối với công ty có giao dịch liên kết thì toàn bộ chi phí lãi vay bị không chế 20% EBITDA

4.7) Chi phí không chế: bỏ chi phí không chế

4.8) Các khoản chi phúc lợi cho người lao động : không chế không vượt quá 1 tháng lương bình quân trong năm.

4.9) Tiền thuê tài sản của cá nhân:

- Nếu DN thuê tài sản của cá nhân thì hồ sơ gồm : Hợp đồng thuê tài sản, chứng từ trả tiền thuê tài sản.
- Nếu DN thuê tài sản của cá nhân mà tại hợp đồng thuê tài sản có thỏa thuận doanh nghiệp nộp thuế thay cho cá nhân thì hồ sơ gồm : Hợp đồng thuê tài sản, chứng từ trả tiền thuê tài sản và chứng từ nộp thuế thay cho cá nhân.
- Nếu DN thuê tài sản của cá nhân mà tại hợp đồng thuê tài sản có thỏa thuận tiền thuê tài sản chưa bao gồm thuế (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân) và doanh nghiệp nộp thuế thay cho cá nhân thì doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ tổng số tiền thuê tài sản bao gồm cả phần thuế nộp thay cho cá nhân.

4.10) Mua hàng hoá, dịch vụ của cá nhân trực tiếp sản xuất, đánh bắt ... hoặc cá nhân KINH DOANH có mức doanh thu < 100 triệu /năm:

Hồ Sơ gồm:

- Hợp đồng mua bán hàng hoá, dịch vụ.
- Chứng từ thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản đều được (Vì không có hóa đơn)
- Biên bản bàn giao hàng hóa.
- Bảng kê hàng hóa dịch vụ mua vào không có hóa đơn mẫu 01/TNDN (ban hành kèm theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC).

Lưu ý: Bảng kê trên phải do người đại diện theo pháp luật của DN (hoặc người được ủy quyền) ký và chịu trách nhiệm.

- Giá mua hàng trên bảng kê phải tương tự như giá trên thị trường

4.11) Chi Phí Công Tác Phí:

Quy định tại Khoản 2.9 điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC

Để đưa chi phí đi công tác hợp lý thì cần:

- Quyết định cử đi công tác (giấy điều động đi công tác): Nêu rõ cán bộ được cử đi, nội dung, thời gian, phương tiện.
- Giấy đi đường có xác nhận của Doanh nghiệp cử đi công tác (ngày đi, ngày về) và nơi được cử đến công tác (ngày đến, ngày đi) hoặc xác nhận của nhà khách nơi lưu trú
- Các hóa đơn, chứng từ trong quá trình đi lại: Như Hóa đơn, vé máy bay, thẻ lên máy bay, vé tàu xe, hóa đơn phòng nghỉ, hóa đơn taxi,...(Nếu > 20tr thì phải chuyển khoản)
- Được quy định cụ thể **Điều kiện hưởng** và **mức hưởng** trong Quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ của DN

Lưu ý: Chi phí công tác phí có thể đưa vào theo một trong hai hình thức, tùy hình thức sẽ yêu cầu hồ sơ tương ứng.

Cách 1: Theo mức thực tế phát sinh

Cách 2: Theo mức khoán chi cho nhân viên đi công tác

4.12) Hóa Đơn Tiền Điện, Tiền Nước Mang Tên Chủ Hộ :

Doanh nghiệp thuê địa điểm sản xuất kinh doanh trực tiếp thanh toán tiền điện, nước cho **nhà cung cấp điện, nước** thì phải có:

- Hoá đơn thanh toán tiền điện, nước.
- Hợp đồng thuê địa điểm sản xuất kinh doanh. Doanh nghiệp thuê địa điểm sản xuất kinh doanh thanh toán tiền điện, nước với **chủ sở hữu** cho thuê địa điểm sản xuất kinh doanh thì phải có
 - Chứng từ thanh toán tiền điện, nước đối với người cho thuê địa điểm sản xuất kinh doanh phù hợp với số lượng điện, nước thực tế tiêu thụ.
 - Hợp đồng thuê địa điểm sản xuất kinh doanh.

Lưu ý: Hạch toán tổng tiền trên hóa đơn vào chi phí, không được khấu trừ thuế GTGT.

4.13) Chi phí Tiếp Khách:

Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng, chứng từ thanh toán theo quy định, bảng kê chi tiết món ăn

4.14) Chi phí Vận Chuyển:

Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng, chứng từ thanh toán theo quy định, bảng kê chi tiết cước vận chuyển có xác nhận của bên bán.

4.15) Bộ chứng từ vé máy bay

a. Nếu DN trực tiếp mua vé máy bay qua website thương mại điện tử thì cần:

- Vé máy bay điện tử
- Thẻ lên máy bay (boarding pass) (Nếu không thu hồi được thẻ lên máy bay thì cần: Giấy điều động đi công tác)

- Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt.

b. Nếu doanh nghiệp giao cho cá nhân tự mua vé máy bay thanh toán bằng thẻ ATM hoặc thẻ tín dụng mang tên cá nhân, sau đó về thanh toán lại với doanh nghiệp thì chứng từ gồm:

- Vé máy bay điện tử (mang tên cá nhân đi công tác)
- Thẻ lên máy bay (trường hợp thu hồi được thẻ).
- Các giấy tờ liên quan đến việc điều động người lao động đi công tác có xác nhận của DN, quy định trong quy chế tài chính cho phép người lao động thanh toán công tác phí bằng thẻ cá nhân do người lao động được cử đi công tác là chủ thẻ và thanh toán lại với DN.
- Chứng từ thanh toán tiền vé của DN cho cá nhân mua vé.
- Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt của cá nhân.

Như vậy: Chi phí vé máy bay có đầy đủ hồ sơ trên sẽ được khấu trừ thuế GTGT và được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN (CV 3997/TCT-DNL ngày 16/09/2014)

c. Chi phí mua vé máy bay của các hàng hàng không nước ngoài:

Trường hợp Công ty mua vé máy bay khứ hồi cho nhân viên đi công tác tại nước ngoài (Đức) của hãng hàng không East Sea Travel & Air Service GmbH thông qua Website của Hãng hàng không (Hãng không có đại lý tại Việt Nam) thì khi thanh toán cho Hãng, Công ty có nghĩa vụ khấu trừ, khai và nộp thuế (TNDN) nhà thầu theo tỷ lệ 2% trên doanh thu, thuế GTGT không phải khấu trừ đối với hoạt động vận tải quốc tế.

(CV Số: 8199/CT-TTHT ngày 24/08/2017)

4.16) Dự Phòng Tiền Lương:

Căn cứ theo điểm 2.6 khoản 2 điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC quy định:

Mức dự phòng hàng năm do doanh nghiệp quyết định nhưng **không quá 17%** quỹ tiền lương thực hiện.

- Quỹ tiền lương thực hiện là tổng số tiền lương thực tế đã chi trả của năm quyết toán đó đến thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ quyết toán theo quy định (không bao gồm số tiền trích lập quỹ dự phòng tiền lương của năm trước chi trong năm quyết toán thuế).

- Việc trích lập dự phòng tiền lương phải đảm bảo sau khi trích lập, doanh nghiệp **không bị lỗ, nếu doanh nghiệp bị lỗ thì không được trích đủ 17%**.

- Trường hợp năm trước doanh nghiệp có trích lập quỹ dự phòng tiền lương mà **sau 6 tháng**, kể từ ngày kết thúc năm tài chính doanh nghiệp chưa sử dụng hoặc sử dụng không hết quỹ dự phòng tiền lương thì doanh nghiệp phải tính giảm chi phí của năm sau.

Ví dụ: Khi nộp hồ sơ quyết toán thuế năm 2019, Công ty trích quỹ dự phòng tiền lương là 10 tỷ đồng.

- Đến ngày 30/06/2020 (đối với trường hợp doanh nghiệp áp dụng kỳ tính thuế theo năm dương lịch), Cty mới chi số tiền từ quỹ dự phòng tiền lương năm 2019 là 7 tỷ đồng.

-> Thì Cty phải tính giảm chi phí tiền lương năm sau (năm 2020) là: $= (10 \text{ tỷ} - 7 \text{ tỷ}) = 3 \text{ tỷ}$ đồng.

=> Khi lập hồ sơ quyết toán năm 2020 nếu Cty có nhu cầu trích lập thì tiếp tục trích lập quỹ dự phòng tiền lương theo quy định.

4.17) Dự Phòng Giảm Giá Hàng Tồn Kho Và Dự Phòng Nợ Phải Thu Khó Đòi:

Nguyên tắc chung trong trích lập dự phòng:

- Các khoản dự phòng quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC được tính vào **chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN** trong kỳ báo cáo năm để bù đắp tổn thất có thể xảy ra trong kỳ báo cáo năm sau; đảm bảo cho DN phản ánh giá trị hàng tồn kho, các khoản đầu tư không cao hơn giá trên thị trường và giá trị của các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

-Thời điểm trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng là thời điểm lập báo cáo tài chính năm.

- Doanh nghiệp xem xét, quyết định việc xây dựng quy chế về quản lý vật tư, hàng hóa, quản lý danh mục đầu tư, quản lý công nợ để hạn chế các rủi ro trong kinh doanh, trong đó xác định rõ trách nhiệm của từng bộ phận, từng người trong việc theo dõi, quản lý vật tư, hàng hóa, các khoản đầu tư, thu hồi công nợ.

- Doanh nghiệp không trích lập dự phòng rủi ro cho các khoản đầu tư ra nước ngoài.

4.17.1) Dự Phòng Giảm Giá Hàng Tồn Kho:

Là dự phòng khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn so với giá trị ghi sổ của hàng tồn kho

Quy định cũ: là dự phòng phần giá trị bị tổn thất do giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm.

*** Đối tượng :** Nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa, hàng mua đang đi đường, hàng gửi đi bán, hàng hóa kho bảo thuế, thành phẩm(gọi tắt là hàng tồn kho) mà giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Quy định cũ : gồm sản phẩm dở dang, chi phí dịch vụ dở dang

*** Điều kiện trích lập dự phòng:**

- Có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của Bộ tài chính hoặc các bằng chứng hợp lý khác chứng minh giá vốn hàng tồn kho.

- Là hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo tài chính năm

*** Mức trích lập dự phòng:**

Mức trích dự phòng giảm giá HTK = Lượng hàng tồn kho thực tế X (Giá gốc HTK - Giá trị thuần có thể)
tại thời điểm lập BCTC năm theo sổ sách thực hiện được của HTK

***Xử lý đối với hàng tồn kho đã trích lập dự phòng:**

+ **Đối tượng:** Hàng tồn kho do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn, hư hỏng, lạc hậu một, lạc hậu kỹ thuật, lỗi thời do thay đổi quá trình sinh hóa tự nhiên, hết hạn sử dụng, không còn giá trị sử dụng phải được xử lý huỷ bỏ, thanh lý

+ **Thẩm quyền và hồ sơ:** Doanh nghiệp thành lập Hội đồng xử lý hoặc thuê tổ chức tư vấn có chức năng thẩm định giá để xác định giá trị hàng tồn kho hủy bỏ, thanh lý. **Hồ sơ gồm:** Biên bản kiểm kê xác định giá trị hàng tồn kho xử lý do doanh nghiệp lập xác định rõ giá trị hàng tồn kho bị hư hỏng, nguyên nhân hư hỏng, chủng loại, số lượng, giá trị hàng tồn kho có thể thu hồi được (nếu có); Quyết định xử lý hủy bỏ, thanh lý; Quyết định xử lý trách nhiệm của những người liên quan đến hàng tồn kho đó và chịu trách nhiệm về quyết định của mình theo quy định của pháp luật.

+**Xử lý:**

Giá trị tổn thất thực tế của hàng tồn kho không thu hồi được	=	Giá trị sổ sách	-	Giá trị bồi thường từ người gây thiệt hại,
				Bảo hiểm bồi thường, giá trị bán thanh lý

Giá trị tổn thất thực tế của hàng tồn kho không thu hồi được đã có quyết định xử lý, sau khi **bù đắp bằng nguồn dự phòng giảm giá hàng tồn kho, phần chênh lệch được hạch toán vào giá vốn hàng bán của doanh nghiệp.**

4.17.2) Dự Phòng Nợ Phải Thu Khó Đòi :

* **Đối tượng:** Các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng doanh nghiệp không thu hồi được đúng hạn và đồng thời đảm bảo điều kiện theo quy định.

*** Điều kiện trích lập dự phòng:**

a) Phải có chứng từ gốc chứng minh số tiền đối tượng nợ chưa trả như:

+ Hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, cam kết nợ.

+ Bản thanh lý hợp đồng (nếu có)

+ Đối chiếu công nợ; trường hợp không có đối chiếu công nợ thì phải có văn bản đề nghị đối chiếu xác nhận công nợ hoặc văn bản đòi nợ do doanh nghiệp đã gửi (**có dấu bưu điện hoặc xác nhận của đơn vị chuyển phát**);

- Bảng kê công nợ;

- Các chứng từ khác có liên quan (nếu có).

b) Có đủ căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:

- Nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán từ 06 tháng trở lên (tính theo thời hạn trả nợ gốc ban đầu theo hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác, không tính đến thời gian gia hạn trả nợ giữa các bên), doanh nghiệp đã gửi đối chiếu xác nhận nợ hoặc đơn đốc thanh toán nhưng vẫn chưa thu hồi được nợ.

- Nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng doanh nghiệp thu thập được các bằng chứng xác định đối tượng nợ có khả năng không trả được nợ đúng hạn theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

- Riêng đối với các khoản nợ mua của doanh nghiệp mua bán nợ (có đăng ký ngành nghề và hoạt động mua bán nợ theo đúng quy định của pháp luật), thời gian quá hạn được tính kể từ ngày chuyển giao quyền chủ nợ giữa các bên (trên cơ sở biên bản hoặc thông báo bàn giao quyền chủ nợ) hoặc theo cam kết gần nhất (nếu có) giữa doanh nghiệp đối tượng nợ và doanh nghiệp mua bán nợ.

*** Mức trích lập dự phòng:**

a) Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

b) Đối với DN kinh doanh dịch vụ viễn thông và DN kinh doanh bán lẻ hàng hóa, khoản nợ phải thu cước dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, truyền hình trả sau và khoản nợ phải thu do bán lẻ hàng hóa theo hình thức trả chậm/trả góp của các đối tượng nợ là cá nhân đã quá hạn thanh toán mức trích lập dự phòng như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 tháng đến dưới 6 tháng.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 9 tháng.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 9 tháng đến dưới 12 tháng.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 12 tháng trở lên.

c) Đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng DN thu thập được các bằng chứng xác định tổ chức kinh tế *đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được doanh nghiệp khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án* thì doanh nghiệp tự dự kiến mức tổn thất không thu hồi được (tối đa bằng giá trị khoản nợ đang theo dõi trên sổ kế toán) để trích lập dự phòng

*** Xử lý tài chính các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi:**

a) Nợ phải thu không có khả năng thu hồi là các khoản nợ phải thu đã quá thời hạn thanh toán hoặc chưa đến thời hạn thanh toán thuộc một trong những trường hợp sau:

- + Doanh nghiệp, tổ chức đã hoàn thành việc phá sản theo quy định của pháp luật.
- + Doanh nghiệp, tổ chức đã ngừng hoạt động hoặc giải thể
- + Đối tượng nợ đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho xóa nợ theo quy định của pháp luật.

+ Đối tượng nợ là cá nhân đã chết hoặc đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án

+ Khoản chênh lệch còn lại của các khoản nợ không thu hồi được sau khi đã xử lý trách nhiệm cá nhân, tập thể phải bồi thường vật chất.

+ Khoản nợ phải thu đã được trích lập 100% dự phòng theo quy định tại gạch đầu dòng thứ 4 điểm a khoản 2 Điều 6 mà sau 03 năm tính từ thời điểm doanh nghiệp trích lập đủ 100% dự phòng mà vẫn chưa thu hồi được nợ

+ Khoản nợ phải thu đã được trích lập 100% dự phòng theo quy định tại gạch đầu dòng thứ 4 điểm b khoản 2 Điều 6 mà sau 01 năm tính từ thời điểm doanh nghiệp trích lập đủ 100% dự phòng mà vẫn chưa thu hồi được nợ.

b) Các tài liệu chứng minh: Theo điểm B khoản 4 điều 6 thông tư

- Hợp đồng kinh tế; kế ước vay nợ; cam kết nợ; bản thanh lý hợp đồng (nếu có); đối chiếu công nợ (nếu có); văn bản đề nghị đối chiếu công nợ hoặc văn bản đòi nợ do doanh nghiệp đã gửi (có dấu bưu điện hoặc xác nhận của đơn vị chuyên phát); bảng kê công nợ và các chứng từ khác có liên quan.

- Trường hợp đối với tổ chức kinh tế

+ Đối tượng nợ đã phá sản: có quyết định của Tòa án tuyên bố phá sản doanh nghiệp theo Luật phá sản.

+ Đối tượng nợ đã ngừng hoạt động, giải thể: có văn bản xác nhận hoặc thông báo bằng văn bản/thông báo trên trang điện tử chính thức của cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp hoặc tổ chức đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan thuế quản lý trực tiếp về việc doanh nghiệp, tổ chức đã ngừng hoạt động hoặc giải thể; hoặc khoản nợ đã được doanh nghiệp, tổ chức khởi kiện ra tòa án theo quy định, có bản án, quyết định của tòa và có ý kiến xác nhận của cơ quan thi hành án về việc đối tượng nợ không có tài sản để thi hành án.

+ Đối với khoản nợ phải thu nhưng đối tượng nợ đã được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho xóa nợ theo quy định của pháp luật; khoản chênh lệch thiệt hại được cơ quan có thẩm quyền quyết định cho bán nợ.

- Trường hợp đối với cá nhân:

+ Giấy chứng tử (bản sao chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc) hoặc xác nhận của chính quyền địa phương đối với đối tượng nợ đã chết.

+ Lệnh truy nã; hoặc xác nhận của cơ quan pháp luật đối với đối tượng nợ đã bỏ trốn; hoặc xác nhận của cơ quan pháp luật về việc đối tượng nợ không còn ở nơi cư trú đối với khoản nợ phải thu cước dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, truyền hình trả sau của các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ viễn thông; hoặc đang bị truy tố, đang thi hành án.

- Các hồ sơ, tài liệu chứng minh khoản nợ phải thu đã được trích lập 100% dự phòng theo quy định tại gạch đầu dòng thứ 4 điểm a khoản 2 Điều 6 mà sau 03 năm tính từ thời điểm doanh nghiệp trích lập đủ 100% dự phòng mà vẫn chưa thu hồi được nợ hoặc khoản nợ phải thu đã được trích lập 100% dự phòng theo quy định tại gạch đầu dòng thứ 4 điểm b khoản 2 Điều 6 mà sau 01 năm tính từ thời điểm doanh nghiệp trích lập đủ 100% dự phòng mà vẫn chưa thu hồi được nợ

c) Xử lý tài chính:

$\text{Tồn thất thực tế của các khoản} = \text{Giá trị sổ sách} - \text{Số tiền đã thu hồi được}$ <p>Nợ không thu hồi được</p>
--

Giá trị tồn thất thực tế của khoản nợ không có khả năng thu hồi, doanh nghiệp ***sử dụng nguồn dự phòng nợ phải thu khó đòi (nếu có) để bù đắp, phần chênh lệch thiếu hạch toán vào chi phí của doanh nghiệp.***

Doanh nghiệp ***phải theo dõi*** trong hệ thống quản trị của doanh nghiệp và ***trình bày trong thuyết minh BCTC*** trong thời hạn tối thiểu là 10 năm kể từ ngày thực hiện xử lý và tiếp tục có các biện pháp để thu hồi nợ. ***Nếu thu hồi được nợ thì số tiền thu hồi sau khi trừ các chi phí có liên quan đến việc thu hồi nợ, doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập***

d) Bộ hồ sơ cần lập:

+Biên bản của Hội đồng xử lý nợ của doanh nghiệp. Trong đó ghi rõ giá trị của từng khoản nợ phải thu, giá trị nợ đã thu hồi được, giá trị thiệt hại thực tế (sau khi đã trừ đi các khoản thu hồi được).

+Bảng kê chi tiết các khoản nợ phải thu đã xóa để làm căn cứ hạch toán. Sổ kế toán, chứng từ, tài liệu chứng minh khoản nợ chưa thu hồi được, đến thời điểm xử lý nợ doanh nghiệp đang hạch toán nợ phải thu trên sổ kế toán của doanh nghiệp.

+Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc thực hiện trích lập dự phòng liên quan đến các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi.

e) Thẩm quyền xử lý:

Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Giám đốc, chủ doanh nghiệp tư nhân và chủ sở hữu của các tổ chức kinh tế căn cứ vào Biên bản của Hội đồng xử lý do doanh nghiệp lập và các bằng chứng liên quan đến khoản nợ để quyết định xử lý những khoản nợ phải thu không thu hồi và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật. Thành phần Hội đồng xử lý do doanh nghiệp tự quyết định.

4.18) Hóa Đơn Thương Mại Điện Tử:

Doanh nghiệp phải tải File dạng xml hóa đơn điện tử về lưu lại làm chứng từ kế toán để hạch toán.

4.19) Đánh Giá Chênh Lệch Tỷ Giá Cuối Năm:

Tham khảo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015.

5. Chuyển Lỗi:

- Doanh nghiệp sau khi quyết toán thuế mà bị lỗi thì phải **chuyển toàn bộ và liên tục** số lỗi vào thu nhập chịu thuế của những năm tiếp theo. Thời gian chuyển lỗi tính liên tục **không quá 5 năm**, kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗi

- Doanh nghiệp trong kỳ tính thuế có các hoạt động chuyển nhượng bất động sản, chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia thực hiện dự án đầu tư (trừ dự án thăm dò, khai thác khoáng sản) nếu bị lỗi thì số lỗi này được bù trừ với lãi của hoạt động sản xuất kinh doanh (bao gồm cả thu nhập khác), sau khi bù trừ vẫn còn lỗi thì tiếp tục được chuyển sang các năm tiếp theo trong thời hạn chuyển lỗi theo quy định

Lưu ý: Kiểm tra chuyển lỗi đúng kỳ, đúng giá trị, đúng hoạt động kinh doanh(Hoạt động kinh doanh thông thường, hoạt động được ưu đãi thuế TNDN, hoạt động chuyển nhượng BĐS)

6. Thuế Suất : Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là **20%**

III. QUYẾT TOÁN THUẾ TNCN:

1. Văn bản hướng dẫn về chính sách thuế TNCN:

- Thông tư 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 08 năm 2013
- Thông tư 119/2014/TT-BTC ngày 25/08/2014 sửa đổi
- Thông tư 151/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi
- Thông tư 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh
- Văn bản hợp nhất 05/VBHN-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 14/03/2016 hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Thuế thu nhập cá nhân sửa đổi và Nghị định 65/2013/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật Thuế thu nhập cá nhân sửa đổi

2. Đối với Doanh Nghiệp, hồ sơ gồm:

- Tờ khai quyết toán thuế TNCN theo mẫu 05/QTT-TNCN theo thông tư 92/2015/TT-BTC
- Phụ lục 05-1BK/QTT-TNCN (Bảng kê thu nhập dùng cho cá nhân cư trú có ký hợp đồng lao động từ 03 tháng trở lên)
- Phụ lục 05-2BK/QTT-TNCN (Bảng kê thu nhập dùng cho cá nhân cư trú không ký hợp đồng hoặc có ký hợp đồng lao động dưới 03 tháng)
- Phụ lục 05-3BK/QTT-TNCN (Bảng kê thông tin người phụ thuộc nếu có)
- Bảng danh sách nhân viên chưa tới mức khấu trừ thuế TNCN (mẫu ban hành kèm theo văn bản hướng dẫn về quản lý thuế)

Lưu ý:

- Nếu không phát sinh **trả thu nhập** trong năm 2019 thì không phải lập tờ khai quyết toán thuế TNCN
- Kết xuất file quyết toán dạng XML, không thay đổi tên file khi kết xuất để nộp.

3. Đối với cá nhân tự quyết toán, hồ sơ gồm:

- Tờ khai quyết toán thuế TNCN theo mẫu số 02/QTT-TNCN
- Phụ lục 02-1/BK-QTT-TNCN: bảng kê người phụ thuộc nếu có
- Trường hợp khi làm tờ khai phải nộp thêm thuế TNCN thì hạn nộp là 90 ngày từ ngày kết thúc năm tài chính, nộp thừa thì không bắt buộc làm tờ khai, nếu làm thì không bị phạt chậm nộp tờ khai.
- Trường hợp giảm trừ người phụ thuộc thì phải có mã số thuế, thực hiện đăng ký giảm trừ và có hồ sơ chứng minh.
- Lưu ý: nếu có số thuế được hoàn thì phải kê số hoàn vào chỉ tiêu [47]_ hoàn trực tiếp hoặc [48]_ bù trừ.

4. Ủy quyền quyết toán thuế TNCN:

Điều kiện để Doanh nghiệp quyết toán thuế TNCN thay cho cá nhân:

- Cá nhân có mã số thuế cá nhân
- Doanh nghiệp không cấp chứng từ khấu trừ thuế TNCN

- Cá nhân làm giấy ủy quyền quyết toán thay mẫu số 02/UQ-QTT-TNCN theo thông tư 92/2015/TT-BTC
- Cá nhân chỉ có thu nhập tiền lương kí hợp đồng lao động 3 tháng trở lên tại đơn vị và thực tế đang làm việc tại đơn vị tại thời điểm ủy quyền quyết toán, kể cả không làm đủ 12 tháng trong năm.
- Cá nhân chỉ có thu nhập tiền lương kí hợp đồng lao động 3 tháng trở lên tại đơn vị và có thêm thu nhập vãng lai không quá 10 triệu đồng/tháng đã khấu trừ tại nguồn 10% hoặc 20%.
- Cá nhân chỉ có thu nhập tiền lương kí hợp đồng lao động 3 tháng trở lên tại đơn vị và có thêm thu nhập cho thuê nhà, cho thuê quyền sử dụng đất có doanh thu không quá 20 triệu đồng/tháng.

Lưu ý:

- + Doanh nghiệp chỉ quyết toán thay đối với phần thu nhập đơn vị chi trả.
- + Trường hợp cá nhân **đã ủy quyền quyết toán thay**, tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã thực hiện quyết toán thay, nếu phát hiện cá nhân thuộc diện trực tiếp quyết toán với cơ quan thuế thì **không điều chỉnh lại quyết toán**, chỉ cấp chứng từ khấu trừ thuế cho cá nhân theo số quyết toán và ghi vào góc dưới bên trái của chứng từ khấu trừ thuế nội dung: “ Công ty ...*đã quyết toán thuế TNCN thay Ông/Bà...(theo ủy quyền) tại dòng(số thứ tự)...của bảng kê 05-1BK/QTT-TNCN*” để các nhân trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế.

5. Cách Tính thuế TNCN:

Thuế TNCN phải nộp = Thu nhập tính thuế X Thuế suất

Trong đó:

- + Thu nhập tính thuế = Thu nhập chịu thuế – Các khoản giảm trừ
- + Thu nhập chịu thuế = Tổng thu nhập – Các khoản được miễn thuế

6. Các khoản được miễn thuế và giảm trừ:

a) Phần tiền lương, tiền công trả cao hơn do phải làm việc ban đêm, làm thêm giờ :
thu nhập miễn thuế = Tiền lương, tiền công thực trả do phải làm đêm, thêm giờ trừ (-) đi mức tiền lương, tiền công tính theo ngày làm việc bình thường.

Ví dụ : Ông A có mức lương trả theo ngày làm việc bình thường theo quy định của Bộ luật Lao động là 40.000 đồng/giờ.

Trường hợp cá nhân làm thêm giờ vào ngày thường, cá nhân được trả 60.000 đồng/giờ (trả 1.5 lần mức lương bình thường) thì thu nhập được miễn thuế là: 60.000 đồng/giờ – 40.000 đồng/giờ = 20.000 đồng/giờ

Trường hợp cá nhân làm thêm giờ vào ngày thường, cá nhân được trả 80.000 đồng/giờ (Chính sách lương của công ty cao hơn mức quy định) thì thu nhập được miễn thuế là: 60.000 đồng/giờ – 40.000 đồng/giờ = 20.000 đồng/giờ

➔ **Doanh nghiệp phải lập bảng kê** phản ánh rõ thời gian làm đêm, làm thêm giờ, khoản tiền lương trả thêm do làm đêm, làm thêm giờ đã trả cho người lao động. Bảng kê này được lưu tại đơn vị trả thu nhập và xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan thuế.

Quy định trả lương làm thêm giờ:

- Làm thêm giờ ngày thường: 150% lương
- Làm thêm giờ ngày nghỉ hàng tuần: 200% lương
- Làm thêm giờ ngày nghỉ lễ, tết, ngày nghỉ có hưởng lương: 300% lương
- Nếu làm thêm giờ vào ban đêm: được trả thêm 30% lương

Thời gian làm được tính là ban đêm : Được tính từ 22h đến 6h (*Theo điều 105. Giờ làm việc ban đêm – của Bộ luật lao động số 10/2012/QH13*)

b) Các khoản đóng bảo hiểm, quỹ hưu trí tự nguyện

- Các khoản đóng bảo hiểm bao gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với một số ngành nghề phải tham gia bảo hiểm bắt buộc.

Bảo hiểm nghề nghiệp: Áp dụng cho các công việc liên quan đến nghiên cứu hạt nhân, chất và quặng phóng xạ, chất thải phóng xạ (Do các công ty bảo hiểm và người lao động tự thỏa thuận mức bảo hiểm (TT13/2012/TT-BTC ngày 07/02/2012)

- Quỹ hưu trí tự nguyện:

+ Trước 01/02/2018 : được trừ theo thực tế phát sinh nhưng không quá 1triệu/tháng (12triệu/năm).

+ Từ 01/02/2018: Không quá 03 triệu đồng/tháng/người để trích nộp quỹ hưu trí tự nguyện, mua bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm nhân thọ cho người lao động.(TT25/2018/TT-BCT ngày 16/03/2018 hướng dẫn NĐ 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017)

Điều kiện: Để được tính vào chi phí khoản BH hưu trí tự nguyện, Bảo hiểm nhân thọ thì cần thực hiện đầy đủ nghĩa vụ bắt buộc về Bảo hiểm và thể hiện rõ điều kiện thường, mức hưởng tại hợp đồng lao động hoặc Quy chế tài chính, quy chế lương thưởng.

- Trường hợp người lao động cư trú tại VN nhưng làm việc tại nước ngoài có đóng các loại bảo hiểm trên thì được trừ khi tính thuế.

c) Các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo, khuyến học

Được trừ theo thực tế phát sinh, chứng từ chứng minh là chứng từ thu hợp pháp do các tổ chức, các quỹ cung cấp. Các tổ chức, các quỹ phải được thành lập theo đúng quy định tại các nghị định của chính phủ.(chi tiết tại khoản 3 điều 9 thông tư 111/2013/TT-BCT hướng dẫn thực hiện về thuế TNCN)

d) Khoản tiền ăn giữa ca theo mức quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Từ 01/01/2016 (26/2016/TT-BLĐTBXH): Tiền ăn tối đa là 730.000 đồng/người/tháng, thực tế chi bao nhiêu thì giảm trừ bấy nhiêu nhưng không được trừ quá 730.000 đồng / tháng.

e) Trang phục: (Khoản 2.7 Điều 4 Thông tư 96/2015/TT-BTC)

- Chi trang phục bằng hiện vật được miễn hết.(Có hóa đơn, chứng từ).
- Chi trang phục bằng tiền cho người lao động không vượt quá 5 (năm) triệu đồng/ người/ năm.

- Trường hợp doanh nghiệp có chi trang phục cả bằng tiền và hiện vật cho người lao động thì mức chi tối đa đối với chi bằng tiền không vượt quá 5 (năm) triệu đồng/ người/ năm, bằng hiện vật được miễn toàn bộ.

f) Tiền điện thoại:

- Trường hợp Công ty chi tiền điện thoại cho người lao động để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nếu có hóa đơn hợp pháp ghi tên, địa chỉ, mã số thuế Công ty thì được tính vào chi phí **được trừ khi tính thuế TNDN** và khoản thu nhập này **không phải chịu thuế TNCN**

- Trường hợp Khoản chi tiền điện thoại cho cá nhân nếu được ghi cụ thể Điều kiện được hưởng và mức được hưởng tại một trong các hồ sơ sau: : Hợp đồng lao động, Thỏa ước lao động tập thể, Quy chế tài chính của công ty... được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp thì Khoản chi tiền điện thoại cho cá nhân là thu nhập được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNCN. Trường hợp đơn vị chi tiền điện thoại cho người lao động cao hơn mức khoán chi quy định thì phần chi cao hơn phải tính vào thu nhập chịu thuế TNCN. (Công văn 1166/TCT-TNCN ngày 21/03/2016).

g) Công tác phí:

- Trường hợp các Khoản thanh toán tiền công tác phí như tiền vé máy bay, tiền lưu trú, tiền taxi và tiền ăn của các cá nhân đi công tác **được tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN** theo quy định của Luật thuế TNDN và các văn bản hướng dẫn Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thì các Khoản thanh toán tiền công tác phí này là Khoản thu nhập **được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNCN.** (Công văn 1166/TCT-TNCN ngày 21/03/2016).

h) Tiền thuê nhà do đơn vị sử dụng lao động chi trả hộ:

- Khoản tiền thuê nhà, điện nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có) đối với nhà ở do đơn vị sử dụng lao động trả hộ tính vào thu nhập chịu thuế theo số thực tế trả hộ nhưng không vượt quá **15% tổng thu nhập chịu thuế phát sinh** (chưa bao gồm tiền thuê nhà) tại đơn vị không phân biệt nơi trả thu nhập.

(Theo khoản 2 điều 11 Thông tư 92/2015/TT-BTC)

Ví dụ:

Nhân viên A trong tháng có tổng TNCT (chưa bao gồm tiền thuê nhà) là: 10.000.000 đồng. Tiền thuê nhà mà người sử dụng lao động **trả hộ** cho bên cho thuê là 2.000.000 đồng/tháng (có hóa đơn, chứng từ thuê nhà)

- Mức tối đa tiền thuê nhà tính vào thu nhập chịu thuế là: $10.000.000 \times 15\% = 1.500.000$ triệu đồng/tháng

- Khi đó TNCT của người lao động = $10.000.000 + 1.500.000 = 11.500.000$

- Còn lại: $2.000.000 - 1.500.000 = 500.000$ được miễn thuế.

Lưu ý:

Trường hợp tiền thuê nhà mà người sử dụng lao động trả **trực tiếp** cho người lao động 2.000.000 đồng/tháng. **(Được xem như 1 khoản phụ cấp theo lương được quy định trong hợp đồng lao động, Quy chế tài chính..thì không được trừ khi tính thuế TNCN.)**

=>> Thu nhập chịu thuế = $10.000.000 + 2.000.000 = 12.000.000$

7. Giảm trừ gia cảnh:

- Giảm trừ gia cảnh bản thân là 9 triệu đồng/tháng, mỗi người phụ thuộc 3.6triệu/người/tháng

****Lưu ý Về Giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc:**

- Người nộp thuế phải đăng ký thuế và được cấp mã số thuế.
- Nộp hồ sơ giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc lên thuế và được tạm tính giảm trừ trong năm kể từ khi đăng ký.
- Trường hợp người nộp thuế **chưa tính giảm trừ gia cảnh** cho người phụ thuộc trong năm tính thuế thì được tính giảm trừ cho người phụ thuộc kể từ tháng phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng khi người nộp thuế thực hiện quyết toán thuế và có đăng ký giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc(đăng kí bổ sung khi quyết toán) gồm các đối tượng: con, vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ.... Riêng đối với người phụ thuộc khác theo hướng dẫn tại tiết d.4, điểm d, khoản 1 điều 9 Thông tư 111/2013/TT-BTC (Ông nội, bà nội; ông ngoại, bà ngoại; cô ruột, dì ruột, cậu ruột, chú ruột, bác ruột, Anh, chị , em ruột....) thì thời hạn đăng ký giảm trừ gia cảnh chậm nhất là **ngày 31 tháng 12 của năm tính thuế**, quá thời hạn nêu trên thì không được tính giảm trừ gia cảnh cho năm tính thuế đó.

PHÒNG HỖ TRỢ TUYÊN TRUYỀN BIÊN SOẠN

ĐẠI LÝ THUẾ TRÍ LUẬT

Giám đốc: Vòng Tắc Xiền

Chứng chỉ hành nghề thủ tục về thuế: 2011000960

Chứng chỉ hành nghề kế toán: 0160/APC